

Số: 249/2020/QĐST –HN&GD

Phổ Yên, ngày 24 tháng 12 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN  
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân & gia đình thụ lý số: 269/2020/TLST - HN&GD ngày 05 tháng 10 năm 2020 giữa:

**Nguyên đơn: Anh Trần Văn T, năm 1972**

ĐKNKTT: TDP Đại Xuân, phường Bãi Bông, thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên

**Bị đơn: Chị Trần Thị T, sinh năm 1984**

ĐKNKTT: TDP Đại Xuân, phường Bãi Bông, thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên

Căn cứ vào Điều 147, khoản 1, 2 Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, Điều 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành 16 tháng 12 năm 2020.

**XÉT THẤY**

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 16 tháng 12 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH**

**1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Anh Trần Văn T và chị Trần Thị T.**

**2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:**

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Văn T và chị Trần Thị T xác định tình cảm vợ chồng không còn, khó có cơ hội đoàn tụ xây dựng cuộc sống chung. Điều nhất trí thỏa thuận thuận tình ly hôn.

2.2. *Về con chung*: Anh Trần Văn T và chị Trần Thị T xác định quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung: cháu Trần Hoa M, sinh ngày 28/3/2006; Trần Tú Q, sinh ngày 11/7/2010. Anh T, chị T nhất trí thỏa thuận người trực tiếp nuôi dưỡng con chung như sau:

Giao cả hai con chung: cháu cháu Trần Hoa M, sinh ngày 28/3/2006; Trần Tú Q, sinh ngày 11/7/2010 cho chị Trần Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục các con chung cho đến khi các con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động.

Chị T không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con nên tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh T cho đến khi có yêu cầu.

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm và chăm sóc con chung mà không ai được cản trở họ thực hiện quyền này. Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết, các bên có quyền làm đơn xin thay đổi việc nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật

2.3. *Về tài sản chung*: Anh T và chị T cùng thống nhất xác định không có, không đặt ra việc giải quyết.

2.4. *Về nợ chung*: Anh T và chị T cùng thống nhất xác định không có, không đặt ra việc giải quyết.

2.5. *Án phí*: Anh T và chị T cùng thống nhất anh nhận nộp toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm 150.000đ (*Một trăm năm mươi ngàn đồng*). Anh T được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) theo biên lai thu số 000 4929 ngày 05/10/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Phổ Yên. Anh T được trả lại 150.000đ (*Một trăm năm mươi ngàn đồng*).

**3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.**

**Nơi nhận:**

- Dương sự;
- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKS thị xã Phổ Yên;
- THADS thị xã Phổ Yên;
- UBND P Bãi Bông;
- ( Nơi đăng ký kết hôn);
- Công thông tin điện tử Tòa án;
- Lưu HS.

**THẨM PHÁN**

**Nguyễn Thị Thu Hà**

